

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN VIỆT NAM
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 328/QĐ-BNV
ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

LỜI NÓI ĐẦU

Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam là tổ chức xã hội nhằm đoàn kết, tập hợp nạn nhân là công dân Việt Nam bị tổn thương bởi chất độc da cam/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam (viết tắt là nạn nhân chất độc da cam) và tổ chức, công dân Việt Nam tự nguyện tham gia khắc phục hậu quả chất độc da cam/dioxin tại Việt Nam, vì lợi ích của nạn nhân chất độc da cam, góp phần vào sự nghiệp phát triển đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hội quan hệ, hợp tác với các tổ chức các nước trên thế giới theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và tuân thủ pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết hoặc công nhận, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Association for Victims of Agent Orange/Dioxin (viết tắt là VAVA).
3. Hội có biểu tượng riêng đã được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật:



Hình tròn, ở giữa có ba hình bán thân màu cam tượng trưng cho các thế hệ nạn nhân chất độc da cam trên nền vàng nhạt, dưới có chữ VAVA màu xanh, bao quanh có dòng chữ màu đen: Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam và hình bông lúa màu xanh.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của những nạn nhân chất độc da cam và tổ chức, công dân Việt Nam tự nguyện hoạt động, đóng góp công sức, trí tuệ, tiền, vật chất nhằm giúp

đỡ nạn nhân chất độc da cam, khắc phục hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam.

2. Hội được thành lập để tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, giáo dục, động viên và tạo mọi điều kiện giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam và gia đình vượt khó vươn lên, hòa nhập cộng đồng xã hội; vận động nguồn lực của xã hội, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tham gia chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam; góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở, ngày truyền thống, ngày vì nạn nhân

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại số 35, đường Hồ Mễ Trì, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
3. Ngày 10/01/2004 là Ngày Truyền thống của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam.
4. Ngày 10/8 hàng năm là Ngày Vì nạn nhân chất độc da cam Việt Nam.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi cả nước về lĩnh vực xã hội nhân đạo đối với nạn nhân chất độc da cam/dioxin.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; chịu sự quản lý của các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.
2. Dân chủ, bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và hợp tác, công khai, minh bạch.
3. Không vì mục đích lợi nhuận.
4. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện hội viên trong mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tham gia đấu tranh đòi công lý cho nạn nhân chất độc da cam, yêu cầu Mỹ chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả chất độc hóa học đã gây ra ở Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, nạn nhân chất độc da cam Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam và quốc tế.

4. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội, chủ động đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền đổi mới các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Được thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở đóng góp tự nguyện của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Nhà nước giao.

10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết, động viên hội viên, nạn nhân chất độc da cam khắc phục khó khăn, phát huy khả năng tham gia các hoạt động xã hội, hòa nhập cộng đồng, chấp hành pháp luật. Vận động các tầng lớp nhân dân phát huy truyền thống “Thương người như thể thương thân” của dân tộc; dùm bọc, thương yêu giúp đỡ các nạn nhân về tinh thần, vật chất nhằm vượt qua đau đớn về thể xác và tinh thần, giảm bớt khó khăn trong cuộc sống; khuyến khích nạn nhân chiến thắng bệnh tật, nuôi dưỡng tinh thần lạc quan để tiếp tục lao động cống hiến cho xã hội.

3. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho người làm việc tại Hội, hội viên; hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia kiến nghị với Nhà nước ban hành, bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân chất độc da cam theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức các hoạt động và vận động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật để trợ giúp về vật chất và tinh thần, tạo điều kiện cho nạn nhân chất độc da cam cải thiện đời sống, hòa nhập cộng đồng, góp phần đẩy mạnh xã hội hóa công tác chăm sóc giúp đỡ nạn nhân.

6. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn tài trợ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế trong đấu tranh đòi công lý cho các nạn nhân chất độc da cam Việt Nam và tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân vì lợi ích của nạn nhân chất độc da cam theo quy định của pháp luật.

Trao đổi kinh nghiệm về hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí, tài sản của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; xây dựng ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

9. Thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao.

Chương III HỘI VIÊN CỦA HỘI

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên danh dự: Tổ chức, công dân của Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, có công đóng góp cho Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam bị tổn thương bởi chất độc da cam/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam và công dân Việt Nam có điều kiện, quan tâm tham gia khắc phục hậu quả chất độc da cam/dioxin, vì lợi ích của nạn nhân chất độc da cam Việt Nam, có Đơn tự nguyện tham gia hoạt động Hội;

b) Hội viên tổ chức: Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập theo quy định của pháp luật tự nguyện và tán thành Điều lệ Hội sẽ được xem xét, kết nạp là hội viên tổ chức của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được tham gia sinh hoạt tại các tổ chức của Hội để xây dựng và thông qua phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội; được đề xuất, góp ý kiến và đề nghị Hội kiến nghị với các cơ quan về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra của Hội.

5. Được Hội giúp đỡ tạo điều kiện trong hoạt động và bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục làm hội viên.

9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hội phân công; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên và cho ra khỏi Hội

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam đủ tiêu chuẩn hội viên theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này gửi Đơn đến Hội để xem xét, kết nạp. Sau khi Hội kết nạp, hội viên được xem xét, cấp thẻ hội viên theo quy định của Hội.

2. Hội xem xét cho hội viên ra khỏi Hội khi:

a) Hội viên tự nguyện ra khỏi Hội thì có văn bản báo cáo đến Hội để xem xét, giải quyết.

b) Hội viên bị cho ra khỏi Hội khi có vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội, quy định của Hội; hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

c) Hội viên đương nhiên ra khỏi Hội khi: Hội viên cá nhân bị chết hoặc hội viên tổ chức bị giải thể theo quy định của pháp luật.

3. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể về thủ tục, thẩm quyền kết nạp và cho hội viên ra khỏi Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ, Thường trực Hội.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn.
6. Tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội;

c) Thảo luận và thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có);

d) bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;

d) Các vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền của Đại hội;

e) Thông qua nghị quyết của Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) Đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các đại biểu (hội viên) chính thức dự Đại hội và đại diện một số cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan tham gia phối hợp công tác. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội. Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Trong quá trình hoạt động, ủy viên Ban Chấp hành thôi hoặc không còn tham gia công tác Hội thì đương nhiên không còn là ủy viên Ban Chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội, dự kiến về cơ cấu, số lượng nhân sự Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra nhiệm kỳ tới trình Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế thi đua khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung, miễn nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Kiểm tra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra được bầu bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành Hội mỗi năm họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến biểu quyết của các ủy viên bằng văn bản;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ

cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

- a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;
- b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;
- c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội; ban hành quy định về kết nạp hội viên và cho ra khỏi Hội;
- d) Hàng năm, lập báo cáo kết quả hoạt động của Hội gửi cơ quản quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

- a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;
- b) Ban Thường vụ mỗi năm họp hai lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;
- c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;
- d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến biểu quyết của các ủy viên bằng văn bản;
- đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

4. Ban Thường vụ cử ra Thường trực Hội để giải quyết các công việc hàng ngày của Hội, gồm Chủ tịch, một số Phó Chủ tịch. Thường trực chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ về các công việc được phân công.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn uỷ viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Trong quá trình hoạt động, khi có sự thay đổi Trưởng ban Kiểm tra, Ban Chấp hành bầu Trưởng ban Kiểm tra trong số uỷ viên Ban Thường vụ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Thực hiện các nội dung, chương trình kiểm tra có liên quan đến Hội theo yêu cầu cơ quan có thẩm quyền.

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp Điều lệ Hội quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Hội và trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi mặt hoạt động của Hội; chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

c) Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

3. Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

4. Chủ tịch danh dự Hội là công dân Việt Nam có uy tín, tiêu biểu, có nhiều công lao trong hoạt động Hội và khắc phục hậu quả chất độc da cam/dioxin tại Việt Nam do Ban Chấp hành đề nghị và Đại hội suy tôn.

Điều 18. Các Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp Điều lệ Hội quy định của pháp luật.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký có nhiệm vụ, quyền hạn:

- a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và phân công của Chủ tịch Hội;
- b) Tổ chức soạn thảo kế hoạch và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;
- c) Tổ chức, điều hành hoạt động hằng ngày của Văn phòng Hội và các Ban chuyên môn;
- d) Xây dựng các quy chế hoạt động của cơ quan Hội trình Ban Thường vụ thông qua;
- đ) Định kỳ ba tháng một lần thông tin, thông báo kết quả hoạt động của Hội với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các hội viên tổ chức và đơn vị trực thuộc biết.
- e) Tổ chức soạn báo cáo hằng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và các báo cáo gửi tới các cơ quan Đảng, chính quyền và mặt trận cùng cấp theo quy định;
- g) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn được phân công.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn

- 1. Văn phòng Hội chịu trách nhiệm tham mưu, giúp việc Ban Thường vụ, Ban Chấp hành triển khai thực hiện các hoạt động của Hội; giúp Hội trực tiếp quản lý tài sản của Hội, hoạt động theo Quy chế, chịu sự chỉ đạo và điều hành trực tiếp của Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký.
- 2. Các Ban chuyên môn là bộ phận giúp việc cho Ban Thường vụ, Ban Chấp hành theo lĩnh vực cụ thể, chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội.
- 3. Văn phòng, các ban chuyên môn tổ chức, hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Chủ tịch Hội ký quyết định thành lập các ban chuyên môn, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo (cấp trưởng, cấp phó) của Văn phòng, các ban chuyên môn theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.
- 4. Người làm việc tại Văn phòng, văn phòng đại diện, các ban chuyên môn của Hội được tuyển dụng, quản lý, sử dụng theo quy định của Bộ luật Lao động, các quy định pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Hội.
- 5. Kinh phí hoạt động của Hội do Chủ tịch chỉ đạo xây dựng dự trù hàng năm, trình Ban Thường vụ Hội phê duyệt theo quy định pháp luật và theo Điều lệ Hội.

Điều 20. Tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội

- 1. Căn cứ nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật, Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội

thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội báo cáo việc thành lập pháp nhân với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

2. Việc giải thể, sáp nhập, chia, tách; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật chức danh cấp trưởng, cấp phó của tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và Quy chế của Hội.

3. Người đứng đầu tổ chức pháp nhân thuộc Hội chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội mọi hoạt động của pháp nhân thuộc Hội.

4. Việc tổ chức và hoạt động cơ quan ngôn luận của Hội tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

- a) Đóng góp tự nguyện của hội viên;
- b) Từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- c) Từ tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- d) Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao;
- đ) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Hội

- a) Chi cho các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Hội;
- c) Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- d) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành phù hợp với quy định của pháp luật;
- đ) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Mọi tài sản, mọi khoản thu chi tài chính của Hội đều phải được thể hiện đầy đủ, chính xác trên sổ sách kế toán của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội; khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể Hội được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, hội viên của Hội có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội được Hội xét khen thưởng hoặc đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc Nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng, hướng dẫn của cơ quan nhà nước và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, hội viên của Hội vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm có thể bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật:

a) VỚI TỔ CHỨC: Khiển trách; cảnh cáo; cho ra khỏi Hội.

b) VỚI CÁ NHÂN: Khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ (nếu có); cho ra khỏi Hội; buộc bồi thường thiệt hại. Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều tra và xử lý theo pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ Hội theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật.

Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình giải quyết các tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành của Điều lệ

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 27 (hai mươi bảy) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ IV (2018 - 2023) thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2018 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./. *seal*

